

**Đề thi:**

# ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NÂNG CAO

Thời gian: 120 phút

Ngày thi: 06/12/2018

\*\*\* Các kết quả lưu vào đĩa làm việc để chấm điểm \*\*\*

**\*\* Lưu ý: Bài thi gồm: PowerPoint, WinWord và Excel**

## A. PowerPoint (2 điểm)

Tạo trang trình chiếu lưu với tên BAITHIPP.PPTX có nội dung như mẫu với các yêu cầu sau: Khi trình chiếu hiện 5 ô vuông. Ô đầu tiên chứa chữ "H". Ô cuối cùng chứa chữ "O". 3 ô vuông ở giữa để trống. Khi click vào ô vuông thứ 2 thì xuất hiện chữ "E". Khi click vào ô vuông thứ 3 thì xuất hiện chữ "L". Khi click vào ô vuông thứ 4 thì xuất hiện chữ "L".



## B. Word (4 điểm)

Từ file dữ liệu cho sẵn Dulieu\_Word.docx trình bày văn bản theo các yêu cầu sau :



**Yêu cầu :**

- Tạo 3 Style định dạng cho các tiêu đề như mẫu trên.
- Tạo các phân chương (Section) cho các Chương I, Chương II, ... ( vị trí chữ màu đỏ ).
- Tạo nội dung tiêu đề đầu trang cho mỗi section theo tiêu đề chương, đánh số trang.
- Tạo Watermark với nội dung Họ tên thí sinh.
- Tạo mục lục tự động (có 3 cấp) ở đầu trang cuối văn bản và tạo tiêu đề là Mục Lục

### C. Excel (4 điểm)

Từ tập tin DLThiExcel.xlsx trình bày bảng tính, lập công thức theo yêu cầu và lưu bảng tính với tên BaiThiExcel.xlsx vào thư mục đang làm việc..

Sheet **DS\_Khoa-Nganh**:

- Tạo list động cho DMuc Khoa, DS các ngành thi.

Sheet **DS\_ThiSinh**:

- Khống chế dữ liệu cột khoa: chỉ được chọn thì List DMuc\_Khoa;
- Khống chế dữ liệu Ngành: chỉ được chọn trong danh sách các ngành của mỗi khoa;
- Tô màu xen kẽ theo dòng;
- Dùng công thức mảng (kết hợp Index & Match) tra cứu thí sinh dự thi theo So\_BD như sau:
  - Nếu tìm thấy:
    - Hiển thị thông tin thí sinh trên dãy ô chứa thông tin thí sinh
    - Ô kết quả tìm kiếm cho biết thí sinh được tìm thấy tại dòng thứ mấy trong danh sách.

|    | A                                                            | B    | C        | D                   | E                   | F          | G       | H       | I       | J         |
|----|--------------------------------------------------------------|------|----------|---------------------|---------------------|------------|---------|---------|---------|-----------|
| 1  |                                                              |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 2  | Tìm kiếm thí sinh theo số báo danh                           |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 3  | QSQ.1254                                                     | A    | Kinh te  | Tài chính ngân hàng | Đỗ Thị Minh Nguyệt  | 03/12/1990 | 6       | 4.5     | 6.75    | 17.5      |
| 4  | Kết quả tra cứu: Thí sinh này ở dòng thứ: 4 trong danh sách. |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 5  |                                                              |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 6  | Danh Sách Thí Sinh Dự Thi                                    |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 7  |                                                              |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 8  | So_BD                                                        | Khoi | Khoa     | Nganh               | Ho_va_Ten           | Ngay_Sinh  | Diem_M1 | Diem_M2 | Diem_M3 | Tong_Diem |
| 9  | QSQ.37                                                       | A    | Toan tin | Công nghệ thông tin | Nguyễn Vũ Tuấn Anh  | 05/08/1990 | 4.50    | 5.50    | 5.00    | 15.0      |
| 10 | QSQ.180                                                      | A    | Co khi   | Kỹ thuật cơ khí     | Chung Phương Đình   | 10/04/1990 | 5.00    | 4.50    | 4.50    | 14.0      |
| 11 | QSQ.994                                                      | A    | Sinh     | Công nghệ sinh học  | Phạm Đăng Hải Triều | 11/12/1990 | 3.50    | 6.50    | 4.50    | 14.5      |
| 12 | QSQ.1254                                                     | A    | Kinh te  | Tài chính ngân hàng | Đỗ Thị Minh Nguyệt  | 03/12/1990 | 6.00    | 4.50    | 6.75    | 17.5      |
| 13 | QSQ.92                                                       | A    | Kinh te  | Tài chính ngân hàng | Phạm Trần Bảo Châu  | 10/10/1990 | 5.25    | 4.50    | 4.50    | 14.5      |

- Nếu tìm không thấy:
  - Bỏ trống dãy ô chứa thông tin thí sinh,
  - Ô kết quả tra cứu ghi "không tìm thấy".

|    | A                                                | B    | C        | D                   | E                   | F          | G       | H       | I       | J         |
|----|--------------------------------------------------|------|----------|---------------------|---------------------|------------|---------|---------|---------|-----------|
| 1  |                                                  |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 2  | Tìm kiếm thí sinh theo số báo danh               |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 3  | QSQ.1255                                         |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 4  | Kết quả tra cứu: Không tìm thấy trong danh sách. |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 5  |                                                  |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 6  | Danh Sách Thí Sinh Dự Thi                        |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 7  |                                                  |      |          |                     |                     |            |         |         |         |           |
| 8  | So_BD                                            | Khoi | Khoa     | Nganh               | Ho_va_Ten           | Ngay_Sinh  | Diem_M1 | Diem_M2 | Diem_M3 | Tong_Diem |
| 9  | QSQ.37                                           | A    | Toan tin | Công nghệ thông tin | Nguyễn Vũ Tuấn Anh  | 05/08/1990 | 4.50    | 5.50    | 5.00    | 15.0      |
| 10 | QSQ.180                                          | A    | Co khi   | Kỹ thuật cơ khí     | Chung Phương Đình   | 10/04/1990 | 5.00    | 4.50    | 4.50    | 14.0      |
| 11 | QSQ.994                                          | A    | Sinh     | Công nghệ sinh học  | Phạm Đăng Hải Triều | 11/12/1990 | 3.50    | 6.50    | 4.50    | 14.5      |
| 12 | QSQ.1254                                         | A    | Kinh te  | Tài chính ngân hàng | Đỗ Thị Minh Nguyệt  | 03/12/1990 | 6.00    | 4.50    | 6.75    | 17.5      |

Sheet **Thong\_Ke**:

- Dùng Data Table kết hợp công thức mảng thống kê số lượng thí sinh dự thi của từng khoa theo từng khối thi.
- Dựa trên dữ liệu thống kê vẽ biểu đồ dạng Clustered Bar để thống kê số lượng sinh viên theo từng Khoa

Kết quả thi sẽ được công bố vào ngày **21/12/2018**. Thời hạn nhận đơn phúc khảo từ ngày **21/12/2018** đến hết ngày **23/12/2018**. Ngày công bố kết quả phúc khảo **26/12/2018**. Xem điểm thi tại địa chỉ: <http://www.csc.edu.vn>